TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DMC** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-10-2019
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Vui;

Bà Bùi Thị Hải Đường.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát Huyện DMC, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 525/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà 02, tổ 01, ấp NP, xã BN, Huyện DMC, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số nhà 02, tổ 01, ấp NP, xã BN, Huyện DMC, tỉnh TN.

- Chị H, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2019 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn N tự nguyện quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ năm 1988, không đăng ký kết hôn đến thời điểm hiện tại chưa đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng

nhau về tình cảm và kinh tế. Tại biên bản hoà giải ngày 23-9-2019 chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Nguyễn Thị S, sinh năm 1993. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh N thừa nhận về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn và đến nay chưa đăng ký kết hôn theo lời trình bày của chị H. Anh yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị H là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về con chung là đúng. Con tên T; S đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng. Chị H, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị H, anh N sống chung từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn đến nay chưa đăng ký kết hôn. Đối chiếu theo pháp luật hiện hành, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị H, anh N là vợ chồng. Con tên Nguyễn Thị T; Nguyễn Thị S đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N theo quy định tại khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

Chị Nguyễn Ngọc H, anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và anh, chị có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Chị H và anh N tự nguyện chung sống với nhau năm 1988 không đăng ký kết hôn và đến nay không đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định"; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Nguyễn Thị S, sinh năm 1993. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8; 9; 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Nghị Quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ của chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Văn N là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Con tên Nguyễn Thị T; Nguyễn Thị S. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0003662 ngày 04-9-2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện DMC, tỉnh TN. Ghi nhận chị Nguyễn Ngọc H đã nộp xong.

"Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (M).